

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/DS-ST
Ngày 24-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Lý;

- Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB); địa chỉ trụ sở: Số 198, đường T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB) – Chi nhánh B, lô D1-4-TT, đường NA3, khu công nghiệp M II, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H; chức vụ: Trưởng phòng thuộc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 83/UQ-VCB-BBD ngày 27/4/2023), vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp L, xã Long T, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã giải quyết cho bà Trương Thị L vay vốn theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 với giá trị hợp đồng là 140.000.000 đồng, mục đích vay là vay tiêu dùng với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Thời gian thu hồi nợ cụ thể thời gian trả nợ lãi vào 26 hàng tháng, chậm nhất trong 07 ngày tiếp theo, thời gian trả nợ gốc chia làm 60 kỳ trả nợ, 01 tháng/01 kỳ, lịch trả nợ gốc từ kỳ 1 đến kỳ 59 trả số tiền 2.330.000 đồng, kỳ 60 trả số tiền 2.530.000 đồng.

Ngày 04/3/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho bà L số tiền 140.000.000 đồng, tuy nhiên bà L mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 61.218.044 đồng, số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 78.781.956 đồng. Không có tài sản bảo đảm. Tính đến ngày 20/6/2023, tổng dư nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn) của khách hàng Trương Thị L tại Ngân hàng là 80.368.896 đồng (tám mươi triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 78.781.956 đồng, lãi trong hạn là 721.154 đồng và lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 865.786 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà Trương Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên. Tuy nhiên, bà Trương Thị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên buộc bà Trương Thị L thực hiện trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 20/6/2023 là 80.368.896 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 78.781.956 đồng, lãi trong hạn là 721.154 đồng và lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 865.786 đồng.

- Tuyên buộc bà Trương Thị L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 003C21/283 ngày 04/3/2021, kể từ ngày 20/6/2023 cho đến ngày thực tế bà Trương Thị L trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

- Tuyên nếu bà Trương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/8/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Tuyên nếu bà

Trương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh H thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính tiền lãi, cụ thể Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh B yêu cầu bà Trương Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 84.454.421 đồng. Trong đó nợ gốc là 78.781.956 đồng, lãi trong hạn là 5.468.943 đồng và lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 203.525 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

** Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2023, bị đơn bà Trương Thị L trình bày:*

Bà Trương Thị L có nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền gốc là 140.000.000 đồng. Đến nay do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên bà đồng ý trả số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng, nhưng bà xin trả góp dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu có tiền thì bà sẽ hoàn trả hết số nợ trên. Bà L xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì chồng bà đang ốm đau, bà phải ở nhà chăm sóc. Bị đơn bà Trương Thị L không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trình bày quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1.2] Bị đơn là bà Trương Thị L có địa chỉ nơi cư trú tại: Ấp L, xã Long T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên tại mục 12.1 Giải quyết tranh chấp, Điều 12 của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 thể hiện “Trong trường hợp thương lượng hoặc hòa giải không thành thì các bên nhất trí giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện”. Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B có trụ sở Chi nhánh tại Lô D1-4-TT, đường NA3, khu công nghiệp M II, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng TMCP N rút lại yêu cầu khởi kiện: Tuyên nêu bà Trương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trương Thị L phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 14/11/2023 là: 84.454.421 đồng, trong đó nợ gốc là 78.781.953 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.468.943 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 203.525 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 kể từ ngày 15/11/2023 cho đến ngày thực tế bà L trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB). Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 có chữ ký xác nhận của bên cho vay là Ngân hàng – Chi nhánh B và bên vay là bà Trương Thị L và lời khai thống nhất của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Trương Thị L có đủ cơ sở để xác định: Bà Trương Thị L có vay vốn theo hợp đồng tín dụng với hạn mức 140.000.000

đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Thời gian thu hồi nợ: Từ kỳ 1 đến kỳ 59 là ngày 26 hàng tháng và chậm nhất trong 07 ngày tiếp theo, kỳ 60 là ngày đáo hạn cuối cùng của khoản vay, dư nợ tính đến ngày 14/11/2023 là: 84.454.421 đồng, trong đó nợ gốc là 78.781.953 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.468.943 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 203.525 đồng. Tuy nhiên, từ thời điểm quá hạn thanh toán là ngày 26/5/2023, bà L chỉ thanh toán cho kỳ hạn này số tiền 638.047 đồng. Từ đó cho đến nay, bị đơn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021. Do đó, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc: 78.781.953 đồng là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 14/11/2023): Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ lãi là 5.468.943 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 203.525 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 kể từ ngày 15/11/2023 cho đến ngày thực tế bị đơn phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB). Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Điều 5 của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 quy định về lãi suất cho vay. Trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn nhóm 2 (nợ cần chú ý) là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N về việc buộc bị đơn phải trả tiền tạm tính đến ngày 14/11/2023 là 84.454.421 đồng, trong đó nợ gốc là 78.781.953 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.468.943 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 203.525 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn bà Trương Thị L về việc tuyên nêu bà Trương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn bà Trương Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bị đơn bà Trương Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tính đến ngày 14/11/2023 là 84.454.421 đồng (tám mươi tư triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 78.781.953 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.468.943 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 203.525 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 15/11/2023 cho đến khi bị đơn bà Trương Thị L trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 003C21/283 ngày 04/3/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trương Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.222.721 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 2.009.222 đồng (hai triệu không trăm lẻ chín nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0011588 ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Phạm Thị Cảnh